

**PHỤ LỤC 4**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 4627 /KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| <b>STT</b> | <b>Nội dung nhiệm vụ, giải pháp</b>  | <b>Đơn vị chủ trì</b>                              | <b>Đơn vị phối hợp</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|------------|--|--|--|----------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Thể chế số</b>  |  |  |                            |
| 1.1        | Rà soát, bổ sung chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình   | Các sở, ban ngành rà soát, đề xuất phê duyệt DVCTT | Văn phòng UBND tỉnh;<br>Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã. | Trong năm                  |
| 1.2        | Tham mưu triển khai chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số  | Sở Kế hoạch và Đầu tư                              | Sở Thông tin và Truyền thông   | Trong năm                  |
| 1.3        | Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số   | Sở Thông tin và Truyền thông                       | Sở Tài chính;<br>Sở Nội vụ   | Trong năm                  |
| 1.4        | Rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử   | Sở Thông tin và Truyền thông                       | Sở Tư pháp;<br>Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện                           | 30/5/2024                  |
| 1.5        | Báo cáo kết quả chuyển đổi số năm 2024   | Sở Thông tin và Truyền thông                       | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện  | 30/11/2024                 |
| 1.6        | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công thông tin điện tử  | Văn phòng UBND tỉnh                                | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã                          | Trong năm                  |
| 1.7        | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh   | Văn phòng UBND tỉnh                                | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã                          | Trong năm                  |
| 1.8        | Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Kon Tum theo Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phiên bản 2.0 đến năm 2025, định hướng năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn             | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện  | Quý II năm 2024            |
| <b>2</b>   | <b>Hạ tầng số</b>  |  |  |                            |

|          |   |  |   |                        |
|----------|---|--|---|------------------------|
| 2.1      | Rà soát các vùng lõm sóng trên địa bàn đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung khu vực công cấp dịch vụ viễn thông công ích  | Sở Thông tin và Truyền thông;<br>UBND cấp huyện  | Các Doanh nghiệp viễn thông   | Thường xuyên           |
| 2.2      | Thực hiện đo kiểm tốc độ mạng viễn thông di động (đảm bảo đạt 40 Mbps)  | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các Doanh nghiệp viễn thông   | Thường xuyên           |
| 2.3      | Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ mua điện thoại thông minh; phân đấu mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh   | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  | UBND cấp huyện  | 6 tháng, năm           |
| 2.4      | Thống kê các khu vực (thôn) khó khăn chưa kết nối cáp quang, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn; phân đấu mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các Doanh nghiệp viễn thông;<br>UBND cấp huyện                                  | 9/2024                 |
| 2.5      | Triển khai nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh ( <i>khi cấp có thẩm quyền phê duyệt</i> )  | Sở Thông tin và Truyền thông   | Sở Kế hoạch và Đầu tư   | 2024-2025              |
| 2.6      | Trong năm, mỗi đơn vị trang bị từ 02-5 máy vi tính cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ làm việc ( <i>thay thế số máy tính đã xuống cấp, cấu hình thấp, hết khấu hao tài sản</i> )  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã  | Sở Tài chính  | Trong năm              |
| <b>3</b> | <b>Nhân lực số</b>  |  |   |                        |
| 3.1      | Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao   | Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; Trường Cao đẳng Kon Tum; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp huyện | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;<br>Sở Giáo dục và Đào tạo<br>UBND cấp huyện | Trong năm              |
| 3.2      | Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức (trực tiếp và trực tuyến)  | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã                           | Hoàn thành trước 31/11 |
| 3.3      | Triển khai bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng (trực tiếp và trực tuyến)  | Sở Thông tin và Truyền thông   | UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã  | Hoàn thành trước 31/11 |
| 3.4      | Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn kỹ năng số cho người dân  | UBND cấp huyện; UBND cấp xã  | Sở Thông tin và Truyền thông  | Hoàn thành trước 31/11 |
| <b>4</b> | <b>Nhận thức số</b>   |  |   |                        |

|          |   |  |   |                       |
|----------|---|--|---|-----------------------|
| 4.1      | Tổ chức sự kiện ngày chuyển đổi số 10-10 (Lễ Phát động; Hội nghị chuyên đề, tọa đàm về chuyển đổi số; Tuyên truyền cổ động ...)   | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                | 10/2024               |
| 4.2      | Khuyến khích các ngành: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức các sự kiện, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số lĩnh vực  | Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                | Trong năm             |
| 4.3      | Báo Kon Tum đăng tải nội dung về chuyển đổi số, Đề án 06 lên Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Kon Tum Online (tối thiểu mỗi tháng 1 tin hoặc 1 bài)  | Báo Kon Tum  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                | Thường xuyên          |
| 4.4      | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh duy trì tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (01 tuần/01 lần)  | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh                                     | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                | Thường xuyên          |
| 4.5      | Hệ thống truyền thanh cơ sở cấp huyện duy trì tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (01 tuần/lần)  | UBND cấp huyện   | Sở Thông tin và Truyền thông; Các đơn vị thuộc huyện; UBND cấp xã | Thường xuyên          |
| 4.6      | Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh duy trì duy trì tần suất cập nhật 1 tuần/lần  | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các sở, ban, ngành  | Thường xuyên          |
| 4.7      | Cổng thông tin điện tử tỉnh duy trì số lượng tin, bài về Chuyển đổi số tối thiểu 24 tin, bài/năm.   | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                | Mỗi tháng 02 tin, bài |
| 4.8      | Công chức, viên chức khai thác Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ: <b>dx.gov.vn</b> để nghiên cứu câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã                        | Sở Thông tin và Truyền thông                                      | Thường xuyên          |
| 4.9      | Tuyên truyền người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các giao dịch khác trên môi trường mạng   | Sở Thông tin và Truyền thông; Các Doanh nghiệp viễn thông              | UBND cấp huyện  | Thường xuyên          |
| <b>5</b> | <b>Nền tảng số cơ bản</b>   |  |   |                       |
| 5.1      | Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo thuộc 3 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã                   | 2024 - 2025           |
| 5.2      | Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh  | Sở Thông tin và Truyền thông   | Các sở, ngành liên quan; Các Doanh nghiệp viễn thông              | 2024 - 2025           |

|          |  |  |  |              |
|----------|--|--|--|--------------|
| 5.3      | Triển khai nền tảng xác thực tập trung SSO tỉnh Kon Tum  | Sở Thông tin và Truyền thông                                       | Các sở, ngành liên quan;<br>UBND cấp huyện;<br>Các Doanh nghiệp viễn thông | 2024 - 2025  |
| 5.4      | Duy trì và phát huy hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung phục vụ cho phát triển Chính phủ số/Chính quyền số  | Văn phòng UBND tỉnh;<br>Sở Thông tin và Truyền thông;<br>Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã                            | Thường xuyên |
| 5.5      | Duy trì, phát huy hiệu quả các nền tảng, hệ thống cho phát triển kinh tế số, xã hội số (do các sở, ngành, địa phương triển khai)   | Các sở, ngành, địa phương có nền tảng, hệ thống                    | Sở Thông tin và Truyền thông   | Thường xuyên |
| <b>6</b> | <b>Dữ liệu số</b>  |  |  |              |
| 6.1      | Phát triển cơ sở dữ liệu ( <i>Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i> )         | Sở Thông tin và Truyền thông                                       | Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp huyện                                 | Thường xuyên |
| 6.2      | Cung cấp dữ liệu mở ( <i>theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i> )  | Sở Thông tin và Truyền thông                                       | Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp huyện                                 | Thường xuyên |
| 6.3      | Duy trì, hoàn thiện Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức  | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã                            | Thường xuyên |
| <b>7</b> | <b>An toàn thông tin mạng</b>  |  |  |              |
| 7.1      | Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của đơn vị, địa phương  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                 | Sở Thông tin và Truyền thông   | 30/6/2024    |
| 7.2      | 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện                                 | Sở Thông tin và Truyền thông   | 30/11/2024   |
| 7.3      | Triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh thông tin các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022) | Sở Thông tin và Truyền thông                                       | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.  | 01 quý/lần   |
| 7.4      | Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng   | Sở Thông tin và Truyền thông                                       | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện   | Trong năm    |
| 7.5      | 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng   | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã                    | Sở Thông tin và Truyền thông   | 30/6/2024    |

|          |  |   |  |              |
|----------|--|---|--|--------------|
| 7.6      | Các máy chủ, máy trạm của cơ quan nhà nước được cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)  | Các sở, ban, ngành, đơn vị;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã | Sở Thông tin và Truyền thông   | 3/2024       |
| 7.7      | Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.   | Sở Thông tin và Truyền thông                                  | Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;<br>Cổng TTĐT tỉnh; Website các đơn vị, địa phương | Thường xuyên |
| 7.8      | Khai thác Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tại địa chỉ <b>capdo.ais.gov.vn</b> để quản lý công tác bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ tại địa phương, đơn vị   | Sở Thông tin và Truyền thông                                  | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện.   | Thường xuyên |
| <b>8</b> | <b>Doanh nghiệp công nghệ số</b>   |   |  |              |
| 8.1      | Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương  | Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Sở Thông tin và Truyền thông;<br>Sở Khoa học và Công nghệ  | Thường xuyên |
| 8.2      | Nghiên cứu cơ sở dữ liệu về công nghiệp ICT Việt Nam ( <i>doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ số</i> ) tại địa chỉ: <b>makeinvietnam.mic.gov.vn</b> , để tham khảo, phân tích phục vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số   | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện                         | Sở Thông tin và Truyền thông   | Thường xuyên |
| <b>9</b> | <b>Chính phủ số</b>  |   |  |              |
| 9.1      | Tiếp tục triển khai, phát triển hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh: Phần đầu năm 2024, tối thiểu 70% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ ( <i>theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ) | Văn phòng UBND tỉnh   | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã  | Thường xuyên |

|           |   |  |   |              |
|-----------|---|--|---|--------------|
| 9.2       | <p>Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng;</li> <li>- Bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).</li> <li>- Duy trì, cập nhật thông tin trên kênh số khác (facebook; zalo..)</li> </ul> | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành                                    | Trong năm    |
| 9.3       | <p>Tiếp tục rà soát, đề xuất phê duyệt DVCTT toàn trình, nâng cao tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- DVCTT toàn trình;</li> <li>- DVCTT được diễn sẵn thông tin;</li> <li>- DVCTT được cá thể hóa.</li> </ul>  | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã                  | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Thường xuyên |
| 9.4       | Tiếp tục triển khai kết nối các ứng dụng dùng chung qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và duy trì, phát sinh trao đổi dữ liệu thường xuyên  | Các sở, ban, ngành liên quan có kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Trục LGSP | Sở Thông tin và Truyền thông                          | Thường xuyên |
| 9.5       | Tiếp tục triển khai các nội dung về nâng cao chất lượng, hiệu quả DVCTT (theo Văn bản số 3109/BTTTT-CĐSQG ngày 01/8/2023 và 2641/UBND-KGVX ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh)  | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;                                 | Văn phòng UBND tỉnh;<br>Sở Thông tin và Truyền thông  | 6/2024       |
| 9.6       | Tuyên truyền, đôn đốc, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT  | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã | Thường xuyên |
| 9.7       | Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến của người dân (VNForm) do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai để khảo sát, thu thập ý kiến của người dân và doanh nghiệp  | Văn phòng UBND tỉnh  | Sở Thông tin và Truyền thông                          | Thường xuyên |
| <b>10</b> | <b>Kinh tế số</b>   |  |   |              |
| 10.1      | Hàng quý triển khai đo lường kinh tế số của tỉnh (trên Hệ thống đo lường kinh tế số do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp)   | Sở Thông tin và Truyền thông   | Cục thống kê<br>Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện | Hàng quý     |

|           |  |   |   |              |
|-----------|--|---|---|--------------|
| 10.2      | Tập trung ứng dụng các nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; nền tảng chứng nhận phù hợp; truy suất nguồn gốc và thương mại điện tử để thúc đẩy phát triển kinh tế số trong chuỗi giá trị sản phẩm nông sản chủ lực ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, hữu cơ gắn với du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch thông minh) | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;<br>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>UBND cấp huyện | Sở Kế hoạch và Đầu tư;<br>Sở Tài chính;<br>Sở Thông tin và Truyền thông                                   | 2024-2025    |
| 10.3      | Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.  | Sở Thông tin và Truyền thông  | Đài PTTH tỉnh;<br>Báo Kon Tum;<br>Cổng thông tin điện tử tỉnh<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư;<br>UBND cấp huyện | Thường xuyên |
| 10.4      | Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ <b>dbi.gov.vn</b>   | Sở Thông tin và Truyền thông  | Sở Kế hoạch và Đầu tư;<br>UBND cấp huyện  | Thường xuyên |
| <b>11</b> | <b>Xã hội số</b>   |   |   |              |
| 11.1      | Mỗi người dân có một danh tính số  |   |   |              |
| 11.1.1    | Tuyên truyền, thúc đẩy người dân cài đặt tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2   | Công an tỉnh  | Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã   | Trong năm    |
| 11.1.2    | Rà soát các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để khai thác, sử dụng dịch vụ số  | Sở Thông tin và Truyền thông  | Các sở, ban, ngành  | Trong năm    |
| 11.2      | Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số  |   |   |              |
| 11.2.1    | Triển khai làm thẻ, ví điện tử cho người dân   | Ngân hàng nhà nước  | Các ngân hàng<br>Các tổ chức tín dụng   | Thường xuyên |
| 11.2.2    | Triển khai dịch vụ Mobile Money ở những vùng chưa có hệ thống ngân hàng  | Các Doanh nghiệp viễn thông   | Sở Thông tin và Truyền thông<br>UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã  | Thường xuyên |
| 11.2.3    | Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu ưu tiên thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt   | UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã  | Các Doanh nghiệp viễn thông;<br>Sở Thông tin và Truyền thông  | Thường xuyên |

|        |  |  |  |                     |
|--------|--|--|--|---------------------|
| 11.2.4 | <i>Các bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (theo Kế hoạch số 877/KH-UBND ngày 29/03/2022)</i>  | <i>Sở Y tế;<br/>Sở Giáo dục và Đào tạo</i> | <i>Các ngân hàng;<br/>Các tổ chức tín dụng;<br/>Các Doanh nghiệp viễn thông.</i>                         | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.3   | Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến.   |  |  |                     |
| 11.3.1 | <i>Tuyên truyền, thúc đẩy mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến (tài khoản VneID, tài khoản VnConnect)</i>   | <i>Văn phòng UBND tỉnh</i>                 | <i>Công an tỉnh;<br/>Các sở, ban, ngành;<br/>UBND cấp huyện;<br/>UBND cấp xã</i>                         | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.3.2 | <i>Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến</i>  | <i>UBND cấp huyện;<br/>UBND cấp xã</i>     | <i>Sở Thông tin và Truyền thông;<br/>Văn phòng UBND tỉnh.</i>  | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.4   | Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân  |  |  |                     |
| 11.4.1 | <i>Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân</i>  | <i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>        | <i>Các Doanh nghiệp viễn thông;<br/>UBND cấp huyện;<br/>UBND cấp xã</i>                                  | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.4.2 | <i>Tuyên truyền, khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động</i>   | <i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>        | <i>Các Doanh nghiệp viễn thông;<br/>Các sở, ban, ngành;<br/>UBND cấp huyện;<br/>UBND cấp xã</i>          | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.4.3 | <i>Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân</i>  | <i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>        | <i>Các Doanh nghiệp viễn thông;<br/>UBND cấp huyện;<br/>UBND cấp xã</i>                                  | <i>Thường xuyên</i> |
| 11.5   | <i>Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản (không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số)</i> | <i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>        | <i>Đài PTTH tỉnh;<br/>Báo Kon Tum;<br/>Cổng thông tin điện tử tỉnh;<br/>Các Doanh nghiệp viễn thông.</i> | <i>Thường xuyên</i> |



|      |   |                                |  |           |
|------|---|--------------------------------|--|-----------|
| 11.6 | Phát triển trường học số (triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập   | Sở Giáo dục và Đào tạo         | Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh   | 2024-2025 |
| 11.7 | Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa.   | Sở Y tế                        | Các bệnh viện;<br>Các cơ sở y tế   | 2024-2025 |
| 11.8 | Lựa chọn thôn (làng, khu phố), xã có điều kiện để hình thành làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm  | UBND cấp huyện;<br>UBND cấp xã | Sở Thông tin và Truyền thông;<br>Sở Tài chính;<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư          | 2024-2025 |
| 12   | <b>Không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số:</b><br>Nghiên cứu đề xuất thiết lập không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế; kết hợp với việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho các đối tượng liên quan thông qua việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. | Sở Thông tin và Truyền thông   | Sở Tài chính;<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư;<br>Các Doanh nghiệp CNTT,<br>nền tảng số | 2024-2025 |